

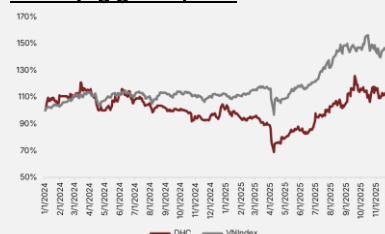
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC: HOSE)

Ngày báo cáo: 23/11/2025
 NGÀNH: VẬT LIỆU
 CVPT: Trần Anh Khoa
 Email: khoata@ssi.com.vn

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
 Giá mục tiêu 1Y: **38.300 VNĐ**
 Giá CP ngày 21/11/2025: 33.550 VNĐ
 % Tăng giá: **+14,2%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 125
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 3.289
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 97
 KLGD TB 3 tháng (triệu cp): 0,4
 Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 36,8/20,2
 GTGD TB 3 tháng (tỷ đồng): 13,0
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 35,7
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC) là công ty sản xuất giấy lượn sóng và bao bì, có tiền thân là Nhà máy Bao bì được thành lập thành lập năm 1994. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2003 và niêm yết trên sàn HOSE từ tháng 7/2009. DHC có 2 nhà máy: (i) nhà máy giấy sản xuất giấy testliner và medium với công suất 280.000 tấn/năm; ii) Nhà máy bao bì giấy công suất 60 triệu sản phẩm/năm.

Triển vọng trung hạn từ biên lợi nhuận phục hồi và tái cấu trúc ngành

DHC ghi nhận KQKD Q3/2025 tích cực, với doanh thu đạt 932,3 tỷ đồng (+4,0% svck), được hỗ trợ bởi sản lượng giấy tăng 3,8% svck và sản lượng bao bì tăng mạnh 19,9% svck. Mặc dù giá bán bình quân giảm 2,5% svck, biên lợi nhuận gộp tăng 3 điểm % lên 15,7%, mức cao nhất kể từ đầu 2023, chủ yếu nhờ giá giấy carton phế liệu (OCC) giảm 4,1% svck. LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) tăng 29,3% svck lên 99,6 tỷ đồng và biên lợi nhuận ròng đạt 10,7%.

Lũy kế từ đầu năm, doanh thu của DHC đạt 2.639 tỷ đồng (-3,1% svck, hoặc +3,2% svck nếu loại trừ khoản thanh lý máy móc đột biến trong Q2/24), trong khi NPATMI tăng 33,8% svck lên 258,3 tỷ đồng, phản ánh sự phục hồi biên lợi nhuận đáng kể khi chi phí đầu vào đã quay về mức bình thường. Theo đó, DHC đã hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu và vượt mục tiêu lợi nhuận của công ty.

Về ngành, quá trình tái cấu trúc đang diễn ra với việc dừng hoạt động khoảng 1,9 triệu tấn công suất mỗi năm từ các cơ sở sản xuất cũ tại khu vực miền Bắc. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ Q3/25 tăng 23,1% svck nhờ đẩy mạnh xuất khẩu. Sản lượng nhập khẩu giảm 4,3% svck, giúp cân bằng lại cung cầu và hỗ trợ sự phục hồi giá bán bình quân từ cuối năm 2025.

Trong thời gian tới, với chiến lược thận trọng trong khâu mua nguyên liệu, tinh gọn chi phí, cùng với dự án mở rộng Giao Long 3 — bổ sung sản phẩm Kraftliner và các dòng giấy giá trị cao hơn sẽ giúp DHC củng cố đà tăng trưởng lợi nhuận.

Tại mức giá 34.050 đồng/cổ phiếu, DHC đang giao dịch ở mức P/E trượt 10,7x và P/B 1,51x. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu là 38.300 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá là 12,5%), và duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** dựa trên nền tảng cơ bản vững chắc và khả năng sinh lời ổn định của công ty.

Tỷ đồng	2024	2025F	2026F
Doanh thu	3.597	3.626	3.914
% Tăng trưởng doanh thu	10,3%	0,8%	8,0%
Lợi nhuận gộp	426	551	611
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	11,8%	15,2%	15,6%
EBIT	302	440	494
EBITDA	407	568	692
Lợi nhuận ròng	242	358	376
<i>% tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	-21,7%	47,9%	5,0%
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	6,7%	9,9%	9,6%
EPS (VNĐ)	3.007	3.697	4.657

Nguồn: DHC, SSI Research

Cập nhật KQKD Q3/2025 và 9T2025

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	932	896	4,0%	881	5,9%	81%				
Lợi nhuận gộp	146	114	28,3%	134	9,2%		15,7%	12,7%	15,2%	11,8%
Lợi nhuận hoạt động	123	92	33,6%	103	18,9%		13,2%	10,3%	11,7%	8,0%
EBIT	125	96	30,0%	105	18,7%		13,4%	10,7%	11,9%	8,4%
EBITDA	125	96	30,0%	105	18,7%		13,4%	10,7%	11,9%	11,3%
Lợi nhuận trước thuế	116	90	29,1%	96	20,2%		12,4%	10,0%	10,9%	7,8%
Lợi nhuận ròng	100	77	29,3%	83	20,1%	107%	10,7%	8,6%	9,4%	6,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	100	77	29,3%	83	20,1%		10,7%	8,6%	9,4%	6,7%

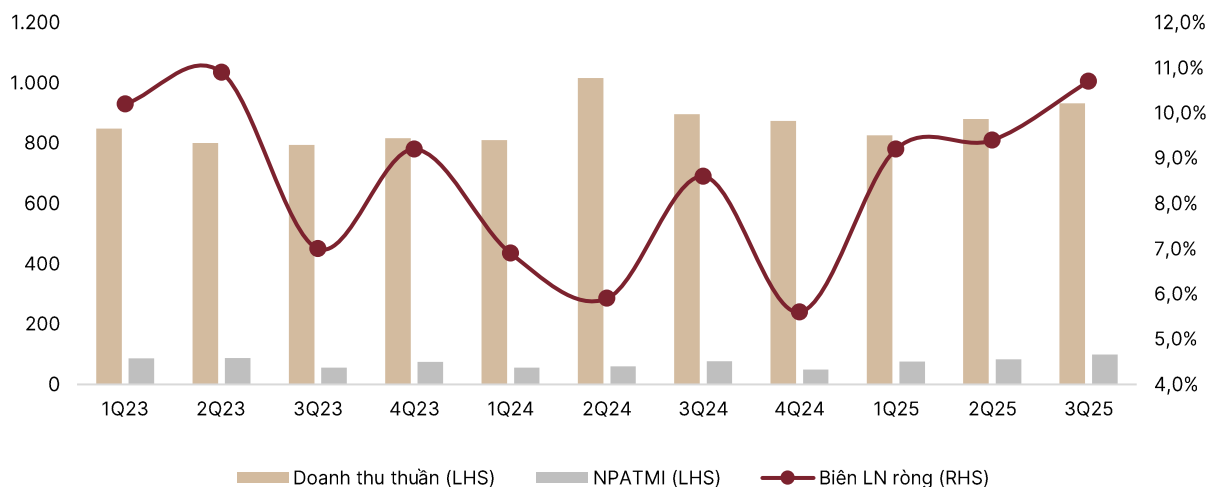
Nguồn: DHC, SSI Research

DHC ghi nhận doanh thu Q3/25 đạt 932,3 tỷ đồng, tăng 4,0% svck và 5,8% so với quý trước, được thúc đẩy bởi sự phục hồi sản lượng ở cả hai mảng giấy và bao bì. Sản lượng tiêu thụ giấy tăng 3,8% svck, trong khi mảng bao bì tăng mạnh 19,9% svck, qua đó bù đắp phần nào áp lực giảm giá bán với giá bán bình quân giảm 2,5% svck. Biên lợi nhuận của DHC cải thiện đáng kể khi chi phí đầu vào giảm nhanh hơn giá bán.

Biên lợi nhuận gộp tăng 3,0 điểm % svck lên 15,7% trong Q3/25, mức cao nhất kể từ đầu năm 2023. Sự cải thiện chủ yếu đến từ việc tối ưu chi phí sản xuất, kết hợp với giá giấy carton phế liệu (OCC) – chiếm tới 72% giá vốn – giảm 4,1% svck. Đồng thời, cơ cấu sản phẩm được điều chỉnh hợp lý hơn với tỷ trọng 80% giấy kraft và 20% bao bì thành phẩm. Những yếu tố này đã góp phần nâng cao lợi nhuận trên toàn danh mục sản phẩm bất chấp áp lực cạnh tranh về giá bán.

NPATMI tăng 29,3% svck lên 99,6 tỷ đồng (+20,1% so với quý trước), tương ứng biên lợi nhuận ròng đạt 10,7% (+2,1 điểm % svck). Đây cũng là quý có biên lợi nhuận tốt nhất của công ty kể từ giữa năm 2022.

Doanh thu, NPATMI (tỷ đồng) và biên LN ròng (%)



Nguồn: DHC, SSI

Ở cấp độ ngành, sản lượng giấy bao bì của cả nước trong Q3/2025 chỉ tăng 0,4% svck khi các nhà máy cũ, hoạt động kém hiệu quả (đặc biệt tại khu vực miền Bắc) dừng hoạt động, làm giảm khoảng 1,9 triệu tấn/năm công suất riêng tại Bắc Ninh (tương đương khoảng 26% tổng công suất thiết kế cả nước). Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng mạnh 23,1% svck lên khoảng 1,63 triệu tấn, phần lớn nhờ các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu trước thời điểm các điều chỉnh thuế quan từ

phía Mỹ chính thức có hiệu lực. Trong bối cảnh các đối thủ nhỏ rút lui khỏi thị trường, những nhà sản xuất có công suất ổn định như DHC đang nắm giữ lợi thế lớn để tiếp nhận thêm nhu cầu, qua đó gia tăng thị phần và duy trì mức giá ổn định hơn.

Luỹ kế 9 tháng năm 2025, DHC ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 2.639 tỷ đồng, giảm 3,1% svck. Tuy nhiên, nếu loại trừ khoản doanh thu đột biến 165,4 tỷ đồng từ bán máy móc trong Q2/24, doanh thu cốt lõi thực tế tăng 3,2% svck, phản ánh đà hồi phục ổn định của hoạt động kinh doanh. **Như vậy, DHC đã hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu cả năm, trong khi lợi nhuận vượt mức kế hoạch của công ty.**

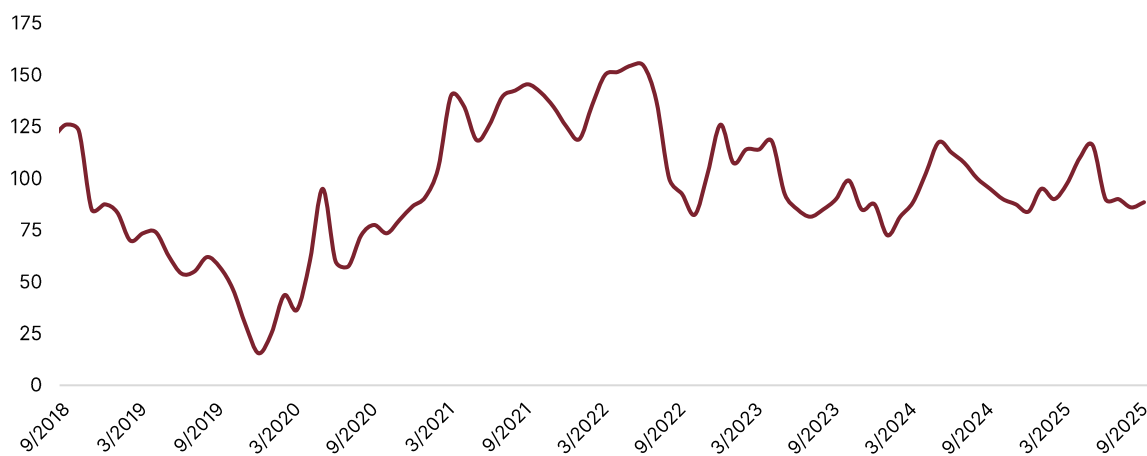
Triển vọng Q4/2025 và năm 2026

Chúng tôi kỳ vọng DHC sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong Q4/2025, dù tốc độ có thể chậm lại khi doanh nghiệp bước ra khỏi giai đoạn cao điểm mua hàng B2B và nhu cầu xuất khẩu có phần hạ nhiệt. Dù vậy, biên lợi nhuận nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức cao hơn so với năm 2024, nhờ chiến lược mua phế liệu thận trọng cùng nhu cầu bìa và bao bì giấy nội địa ổn định.

Nhìn sang năm 2026, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng thận trọng hơn trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn nhiều biến động. Các yếu tố như khả năng điều chỉnh thuế quan, căng thẳng thương mại leo thang, hay gián đoạn tuyến vận tải – đặc biệt tại Trung Đông và Biển Đen – đều có thể tạo ra những bất ổn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, DHC được kỳ vọng duy trì khả năng chống chịu tốt với sản lượng tiêu thụ tăng trở lại (dự báo ~4% trong năm 2026), giá bán bình quân hồi phục khoảng 3,9%, thương hiệu mạnh và nền tảng chi phí vận hành hiệu quả. Những yếu tố này giúp DHC có thể duy trì lợi nhuận khi nhu cầu thị trường biến động.

Kiểm soát chi phí sẽ tiếp tục là yếu tố then chốt đối với việc duy trì/mở rộng biên lợi nhuận, trong bối cảnh giá phế liệu và chi phí vận chuyển được dự báo tăng trong năm 2026. Sản xuất ở châu Á phục hồi sẽ là động lực chính thúc đẩy nhu cầu phế liệu, trong khi chi phí logistics (đặc biệt là vận tải container) có thể tăng trở lại khi thương mại toàn cầu quay về trạng thái bình thường sau khi các rào cản kỹ thuật và thuế quan được điều chỉnh – cùng với tình trạng mất cân đối ngày càng trầm trọng của đội tàu vận tải toàn cầu.

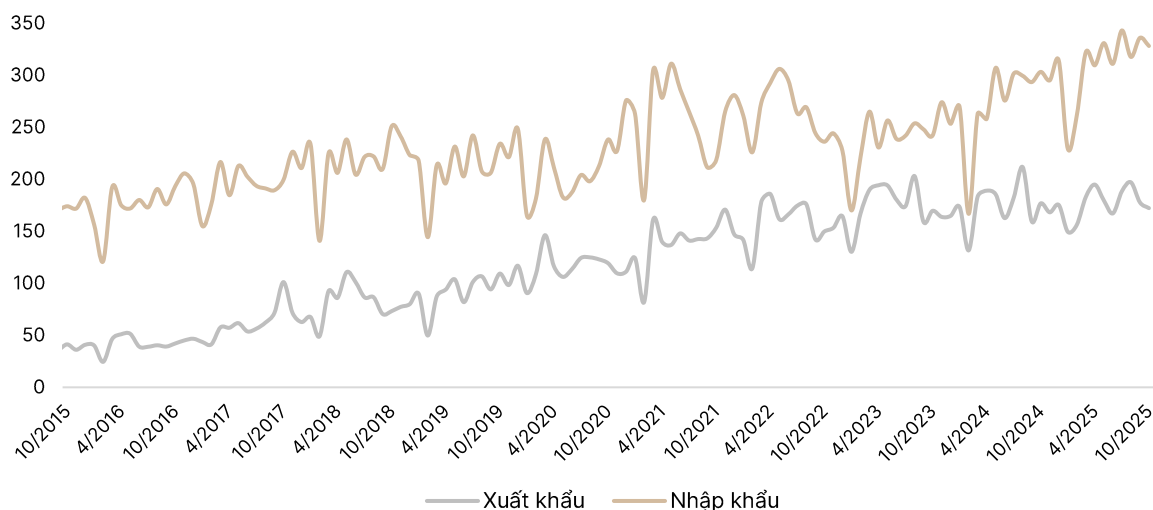
Giá phế liệu bình quân (GPB/tấn)



Nguồn: SSI

Sản lượng giấy bao bì nhập khẩu giảm 4,3% svck trong Q3/2025, kết hợp với nguồn cung nội địa sụt giảm đã giúp tái cân bằng lại trạng thái cung cầu của thị trường giấy Việt Nam. Nếu xu hướng này tiếp tục duy trì, giá bán bình quân nhiều khả năng sẽ cải thiện dần, qua đó hỗ trợ thêm cho đà phục hồi biên lợi nhuận trong giai đoạn cuối 2025 và bước sang 2026.

Kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu theo tháng của Việt Nam: Giấy và sản phẩm từ giấy (triệu USD)

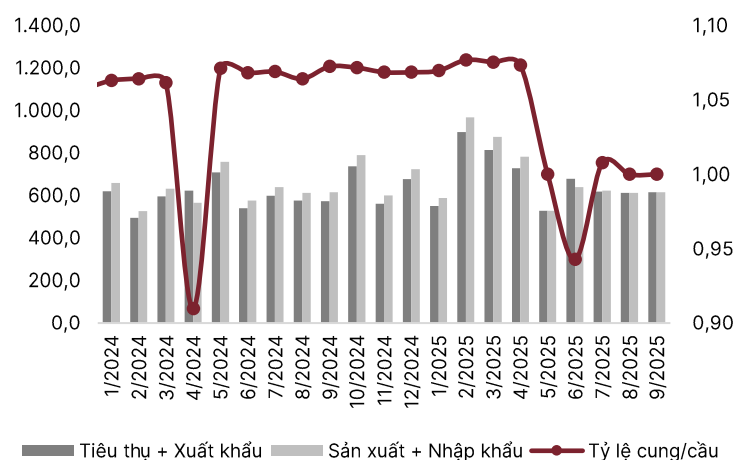


Nguồn: Hải quan, SSI

Trong dài hạn, ngành giấy Việt Nam được kỳ vọng sẽ từng bước thay thế các dòng sản phẩm giấy giá trị gia tăng cao hiện vẫn phải nhập khẩu, nhờ việc các doanh nghiệp nội địa không ngừng nâng cấp năng lực và chất lượng sản xuất. Đáng chú ý, dù sản lượng nhập khẩu nhìn chung chững lại hoặc giảm, giá trị nhập khẩu của giấy và sản phẩm từ giấy vẫn tiếp tục tăng, hàm ý sự tồn tại của một phân khúc nhu cầu bền vững, chú trọng vào chất lượng và giá trị sản phẩm.

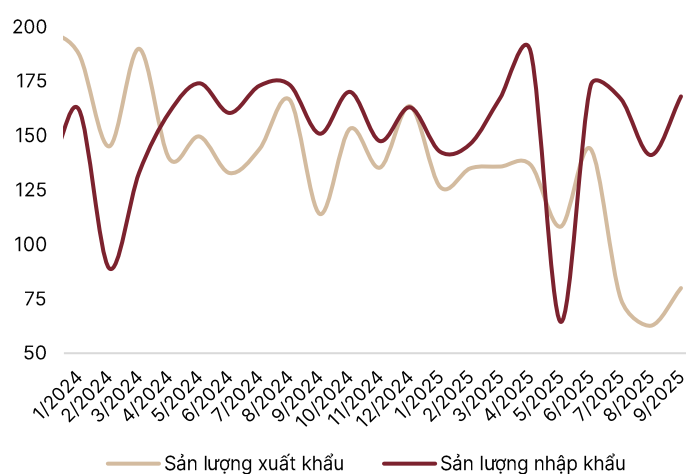
Sự dịch chuyển mang tính cấu trúc sang nhóm sản phẩm “dẫn dắt bởi chất lượng” này tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp được quản trị tốt như DHC, đặc biệt trong bối cảnh công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất, tối ưu cơ cấu sản phẩm và mở rộng công suất theo sát diễn biến nhu cầu thị trường.

Nguồn cung cầu giấy bao bì theo tháng tại Việt Nam (nghìn tấn) và tỷ lệ cung/cầu



Nguồn: VPPA, SSI

Sản lượng nhập khẩu và xuất khẩu giấy bao bì theo tháng tại Việt Nam (nghìn tấn)



Nguồn: Hải quan, SSI

Định giá

Chúng tôi duy trì quan điểm doanh thu sẽ phục hồi dần trong ngắn hạn, khi các doanh nghiệp xuất khẩu tiếp tục điều chỉnh chiến lược trung hạn và chu kỳ đặt hàng mới giữa bối cảnh bất định liên quan đến thuế quan. Biên lợi nhuận gộp trong Q4/25 và cả năm 2026 được kỳ vọng sẽ tiếp tục cải thiện cùng với đà hồi phục của giá bán bình quân, nhờ chi phí đầu vào duy trì ở mức thấp (giảm 3-4% svck).

Chúng tôi điều chỉnh nhẹ dự báo cho Q4/2025 (và cả năm 2025). Cụ thể, doanh thu Q4/2025 dự báo đạt 985,6 tỷ đồng (+12,9% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 15,7% (+4,5 điểm % svck), LNTT đạt 116 tỷ đồng, và NPATMI đạt 98,9 tỷ đồng (+102% svck so với mức nền thấp của Q4/24; -0,7% so với quý trước), biên lợi nhuận ròng đạt 10,0%. Các động lực chính tiếp tục đến từ chi phí đầu vào thuận lợi và hiệu quả vận hành được cải thiện, mặc dù chi phí vận chuyển tăng nhẹ so với Q3/2025. Các giả định cho năm 2026 cũng được điều chỉnh tương ứng.

Chúng tôi cũng kỳ vọng sẽ có cập nhật về dự án mở rộng Giao Long 3 vào cuối năm, với kế hoạch vận hành từ năm 2028. Việc nâng cấp dây chuyền sang sản xuất Kraftliner tiếp tục là động lực tăng trưởng trung – dài hạn trọng tâm của DHC, đánh dấu bước chuyển dịch chiến lược sang các dòng giấy giá trị cao hơn, qua đó cải thiện biên lợi nhuận và hiệu quả sinh lời trong giai đoạn 2028–2035.

Với bức tranh thương mại và thuế quan dần trở nên rõ ràng hơn, chúng tôi điều chỉnh các ước tính chi tiết như sau:

Tỷ đồng	2024	2025F	2026F
Doanh thu	3.597	3.626	3.914
% Tăng trưởng doanh thu	10,3%	0,8%	8,0%
Lợi nhuận gộp	426	551	611
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	11,8%	15,2%	15,6%
EBIT	302	440	494
EBITDA	407	568	692
Lợi nhuận ròng	242	358	376
<i>% tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	-21,7%	47,9%	5,0%
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	6,7%	9,9%	9,6%
EPS (VNĐ)	3.007	3.697	4.657

Nguồn: DHC, SSI Research

Chúng tôi cũng đã tính đến việc ưu đãi thuế/thời kỳ miễn giảm thuế của Giao Long 2 Giai đoạn 2 sẽ hết hiệu lực từ năm 2026, kéo theo nghĩa vụ thuế tăng và biên lợi nhuận ròng năm 2026 thấp hơn so với năm 2025. Tuy nhiên, biên lợi nhuận trước thuế năm 2026 vẫn cải thiện so với năm 2025 nhờ hiệu quả vận hành được nâng cao.

Ở mức giá hiện tại 34.050 đồng/cổ phiếu, DHC đang giao dịch ở mức P/E trượt 10,7x, nhỉnh hơn mức trung bình 5 năm là 10,3x. Trong khi đó, P/B hiện ở mức 1,51x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm là 2,29x. Chúng tôi cho rằng DHC là một doanh nghiệp tăng trưởng bền vững trong ngành giấy bao bì Việt Nam, hưởng lợi từ quá trình tái cấu trúc ngành theo hướng tập trung, cùng chiến lược quản trị vốn thận trọng của công ty. Dù dư địa tăng giá ngắn hạn có thể thu hẹp phần nào khi hoạt động kinh tế và thương mại toàn cầu dần ổn định, khả năng duy trì lợi nhuận ổn định của DHC và cấu trúc ngành đang cải thiện vẫn sẽ là nền tảng quan trọng cho định giá lại trong trung hạn.

Dựa trên mô hình định giá DCF với WACC là 10,4% và tốc độ tăng trưởng dài hạn (g) là 1,0%, chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu DHC, với giá mục tiêu 38.300 đồng/cổ phiếu, tương ứng tiềm năng tăng giá là 12,5%.

Lịch sử khuyến nghị:

Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	247	571	1.125	848
+ Đầu tư ngắn hạn	101	334	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	894	745	770	753
+ Hàng tồn kho	504	524	461	462
+ Tài sản ngắn hạn khác	39	12	9	10
Tổng tài sản ngắn hạn	1.785	2.186	2.366	2.073
+ Các khoản phải thu dài hạn	5	3	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	1.042	994	966	2.518
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	46	17	17	17
+ Đầu tư dài hạn	7	6	6	6
+ Tài sản dài hạn khác	31	39	37	40
Tổng tài sản dài hạn	1.130	1.058	1.026	2.581
Tổng tài sản	2.915	3.245	3.392	4.654
+ Nợ ngắn hạn	1.062	1.236	1.204	1.293
Trong đó: vay ngắn hạn	702	763	769	825
+ Nợ dài hạn	1	6	20	1.011
Trong đó: vay dài hạn	0	6	0	991
Tổng nợ phải trả	1.063	1.242	1.224	2.303
+ Vốn góp	805	805	966	966
+ Thặng dư vốn cổ phần	235	235	235	235
+ Lợi nhuận chưa phân phối	707	843	846	1.028
+ Quỹ khác	105	119	121	122
Vốn chủ sở hữu	1.852	2.003	2.168	2.351
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	2.915	3.245	3.392	4.654
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	241	656	847	618
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-165	-322	-100	-1.750
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-18	-11	-193	854
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	58	324	554	-277
Tiền đầu kỳ	189	247	571	1.125
Tiền cuối kỳ	247	571	1.125	848
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,68	1,77	1,97	1,6
Hệ số thanh toán nhanh	1,17	1,34	1,57	1,24
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,33	0,73	0,93	0,66
Nợ ròng / EBITDA	0,79	0,8	-0,14	0,44
Khả năng thanh toán lãi vay	11,78	13,2	19,07	12,09
Ngày phải thu	73,4	66,1	70,3	66,7
Ngày phải trả	55,3	40,9	46,1	42,3
Ngày tồn kho	75	59,2	58,5	51
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,64	0,62	0,64	0,51
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,36	0,38	0,36	0,49
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,62	0,56	0,98
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,38	0,38	0,35	0,77
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,38	0,38	0,35	0,35

Nguồn: DHC, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	3.259	3.597	3.625	3.913
Giá vốn hàng bán	-2.755	-3.170	-3.074	-3.302
Lợi nhuận gộp	504	426	551	611
Doanh thu hoạt động tài chính	29	34	53	36
Chi phí tài chính	-38	-39	-32	-51
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-108	-113	-121	-108
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-38	-40	-40	-43
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	351	271	410	446
Thu nhập khác	8	8	7	7
Lợi nhuận trước thuế	358	279	417	453
Lợi nhuận ròng	309	242	358	376
Lợi nhuận chia cho cổ đông	309	242	357	375
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	1	1
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	3.843	3.007	3.697	3.881
Giá trị sổ sách (VND)	22.969	24.859	22.413	24.294
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	2.000	2.000
EBIT	391	302	440	494
EBITDA	494	407	568	692
Tăng trưởng				
Doanh thu	-17,2%	10,4%	0,8%	8,0%
EBITDA	-11,4%	-17,5%	39,4%	21,8%
EBIT	-14,2%	-22,8%	45,5%	12,4%
Lợi nhuận ròng	-18,5%	-21,7%	47,9%	5,0%
Vốn chủ sở hữu	5,7%	8,2%	8,2%	8,4%
Vốn điều lệ	15,0%	0,0%	20,0%	0,0%
Tổng tài sản	1,1%	11,3%	4,5%	37,2%
Định giá				
P/E	9,9	12,5	9,2	8,8
P/B	1,7	1,5	1,5	1,4
Giá/Doanh thu	0,9	0,8	0,9	0,8
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	5,9%	5,9%
EV/EBITDA	6,9	7,1	5,2	4,3
EV/Doanh thu	1	0,8	0,8	0,8
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,5%	11,8%	15,2%	15,6%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	11,7%	8,0%	10,5%	11,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	9,5%	6,7%	9,9%	9,6%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,3%	3,1%	3,4%	2,8%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,2%	1,1%	1,1%	1,1%
ROE	17,2%	12,6%	17,2%	16,6%
ROA	10,7%	7,9%	10,8%	9,3%
ROIC	14,0%	9,8%	13,2%	11,5%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Vật liệu

Trần Anh Khoa

Chuyên viên Phân tích

khoata@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321